UBND XÃ AN QUANG
**TRƯỜNG MN QUANG HƯNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*An Quang, ngày 28 tháng 9 năm 2025*

# KẾ HOẠCH THU - CHI
## Năm học 2025-2026

Thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải phòng.

Căn cứ vào Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành Phố Hải Phòng về việc sửa đổi, bổ sung điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn số 6126/SGD ĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở GD và ĐT về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn Số 350/UBND-VHXH ngày 05/9/2025 V/v thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2025-2026 của UBND xã An Quang:

| T | Các khoản thu | Mức thu theo văn bản quy định | Mức thu nhà trường triển khai | Nội dung chi |
|---|---|---|---|---|
| | **Tổ chức bán trú trong các cơ sở giáo dục** | | | |
| .1 | Tiền ăn (đã bao gồm cả chất đốt) | 30.000đồng/trẻ/ngày | 27.000đồng/trẻ/ngày | + Tiền ăn: 25.000 đồng/trẻ/ngày<br>+ Tiền chất đốt: 2.000đồng/trẻ/ngày |
| .2 | Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân) | | | |
| | + Đối với trẻ mới tuyển | 360.000đồng/trẻ/năm | 360.000đồng/trẻ/năm | Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân) |
| | + Các năm học tiếp theo | 200.000đồng/trẻ/năm | 200.000đồng/trẻ/năm | |
| | **Chăm sóc bán trú** | | | |

| T | Các khoản thu | Mức thu theo văn bản quy định | Mức thu nhà trường triển khai | Nội dung chi |
|---|---|---|---|---|
| .1 | Hỗ trợ người trực tiếp nấu ăn; người chăm ăn,trông trưa;công tác quản lý | 150.000đồng/trẻ/tháng | 130.000đồng/trẻ/tháng (6 ngày trở nên thu đủ cả tháng, từ 5 ngày trở xuống thu 10.000đ/ngày) | - Nộp thuế: 2%<br>- Chi hỗ trợ nhân viên nấu ăn,đóng BH cho cô nuôi theo mức lương vùng, công tác quản lý: 98% |
| .2 | Quản lý trẻ ngoài giờ | 10.000đồng/trẻ/giờ<br>(Được thu 2 giờ) hành chính | 5.000đồng/trẻ/giờ<br>10.000đồng/trẻ/2 giờ | - Nộp thuế : 2%<br>- Chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: 98% |
| .3 | Ngày thứ 7 cho trẻ mầm non | 50.000đồng/trẻ/ngày | 50.000đồng/ngày /hs | - Nộp thuế: 2%<br>- Chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phục vụ ngày học thứ 7: 98% |
| **Học thêm tiếng nước ngoài (Tiếng anh)** | | | | |
| | *+Giáo viên người Việt Nam*<br>*+ Giáo viên người nước ngoài* | 20.000đồng/ tiết/trẻ<br>35.000đồng/tiết/trẻ | 20.000đồng/ tiết/trẻ<br>35.000đồng/tiết/trẻ | - 80% thanh toán cho bên trung tâm<br>- 20% số còn lại chi các mục:<br>+ 0,4% thuế<br>+ 7% công tác quản lý<br>+ 9,6 hỗ trợ giáo viên<br>+ 3% cơ sở vật chất |

***Nơi nhận:***
CBGVNV để t/h
Phòng VHXH để b/c

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hoàng Thị Lan Anh**